

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 2360 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hạ Long, ngày 09 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (Quy hoạch phân khu) Khu Công nghiệp Hoành Bồ, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng và Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Quyết định số 4444/2007/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND tỉnh “V/v ban hành quy định về trình tự chấp thuận địa điểm xây dựng và lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng...”;

Căn cứ Văn bản số: 934/TTg-KTN ngày 10/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ “V/v bổ sung Khu Công nghiệp Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh và Quy hoạch phát triển các Khu Công nghiệp ở Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu vực phía Bắc Cầu Bang và dọc trục đường Trời – Vũ Oai, huyện Hoành Bồ giai đoạn đến năm 2020”;

Căn cứ Văn bản số 201/BXD-KTQH ngày 04/2/2010 của Bộ Xây dựng “V/v góp ý đề án Quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 324/TTr-SXD ngày 26/7/2010 kèm hồ sơ đề án đã được UBND huyện Hoành Bồ thỏa thuận; Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (Quy hoạch phân khu) Khu Công nghiệp Hoành Bồ, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh với nội dung sau:

1. Mục đích lập quy hoạch:

- Hình thành một Khu công nghiệp đa ngành, khu công nghiệp sạch – sử dụng công nghệ cao, đảm bảo sử dụng tài nguyên (quỹ đất, mặt nước) có hiệu quả, giảm thiểu tác động tới môi trường sinh thái khu vực vịnh Cửa Lục.

- Hình thành một khu công nghiệp đa năng, mở rộng kết hợp với khu dân cư hiện có và các khu đô thị mới tạo nên một quần thể kiến trúc hài hoà. Phát triển không gian trên cơ sở bảo tồn những giá trị kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên hiện có.

- Lập được kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý theo phân đợt xây dựng, tạo ra một môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan mới phù hợp quy hoạch sản xuất công nghiệp và dân cư cũng như đảm bảo các khu chức năng khác.

- Lập phương án quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng của các Chủ đầu tư.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý quy hoạch xây dựng – kiến trúc và các dự án đầu tư xây dựng trong KCN đảm bảo phát triển theo quy hoạch chung khu vực Bắc Cầu Bang và dọc trục đường Trới-Vũ Oai.

- Góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội cho khu vực và đất nước nói chung, tăng thêm nguồn thu cho ngân sách và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh nói riêng, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

2. Định hướng ngành nghề và tính chất KCN:

- Khu công nghiệp Hoàn Bồ là Khu công nghiệp đa ngành, khu công nghiệp sạch – sử dụng công nghệ cao phụ trợ cho các nhà máy xi măng, nhà máy điện; không bố trí loại hình công nghiệp ô nhiễm như nhà máy sản xuất giấy, công nghiệp hóa chất..; không bố trí cảng, chỉ nghiên cứu bố trí các bến trung chuyển hàng hóa, nguyên liệu.

- Các ngành nghề chủ yếu như sau:

+ Nhóm ngành điện tử - điện lạnh: Sản xuất hàng điện tử và vi điện tử, sản xuất thiết bị điện gia dụng, thiết bị điện lạnh dùng trong công nghiệp chế biến, lắp ráp thiết bị điện tử viễn thông.

+ Nhóm ngành Công nghiệp vật liệu xây dựng: Công nghiệp phụ trợ cho Nhà máy xi măng (sau xi măng): sản xuất bê tông đúc sẵn, ống cống thoát nước, cột điện bê tông...; thiết bị vệ sinh, gạch lát, trang trí gốm, sành sứ, thủy tinh, pha lê cao cấp..

+ Nhóm ngành công nghiệp hàng tiêu dùng: Sản xuất vỏ hộp, bao bì, nhựa bao bì, vật dụng văn phòng, văn phòng phẩm.

+ Nhóm ngành sản phẩm gỗ và trang trí nội thất: Chế biến các sản phẩm gỗ, sản xuất gỗ ván ép xây dựng, sản xuất bàn ghế, trang thiết bị nội thất, đồ thủ công mỹ nghệ cao cấp.

+ Nhóm ngành chế biến nông lâm hải sản: Chế biến nông sản thực phẩm, đồ uống, giải khát, chế biến thủy, hải sản, đồ ăn dịch vụ du lịch.

3. Nội dung Quy hoạch chi tiết xây dựng:

3.1. Vị trí, quy mô và ranh giới lập quy hoạch:

- Vị trí KCN Hoàn Bồ nằm cách thị trấn Trới 5km về phía Đông, cách thành phố Hạ Long khoảng 10km về phía Tây Bắc;

- Quy mô lập quy hoạch: 681 ha;

- Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

+ Phía Đông giáp tuyến đê và sông Man;

+ Phía Tây giáp khu vực quy hoạch Khu đô thị;

+ Phía Nam giáp đê Bắc Cửa Lục;

+ Phía Bắc giáp dãy núi Nương Chén và đường tỉnh lộ 326, đường quốc lộ 18B.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

- Đất xây dựng nhà máy, kho bãi, tỷ lệ chiếm đất : 60% - 70%

- Đất trung tâm điều hành, tỷ lệ chiếm đất : 1% - 3%

- Đất hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ chiếm đất : 1% - 2%

- Đường giao thông KCN, tỷ lệ chiếm đất : 10% - 15%

- Đất cây xanh KCN, mặt nước, tỷ lệ chiếm đất : 10% - 15%

- Chỉ tiêu xây dựng trong KCN:

+ Tại khu các XNCN mật độ xây dựng 50-60%, tầng cao 1 - 2 tầng.

+ Tại khu trung tâm mật độ xây dựng 30-40%, tầng cao 3 - 5 tầng.

+ Tại khu kỹ thuật mật độ xây dựng 30-50%, tầng cao 1 - 2 tầng.

3.3. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Cơ cấu các khu chức năng của nhà máy gồm:

(1) Các khu đất để xây dựng nhà máy và XNCN (368 ha) bố trí bám theo các trục đường trong khu công nghiệp. Bao gồm các loại hình công nghiệp như:

- Nhóm ngành Công nghiệp vật liệu xây dựng: Bố trí phía Đông Bắc đường Trới-Vũ Oai;

- Nhóm ngành công nghiệp hàng tiêu dùng: Bố trí phía Tây Nam đường Trới-Vũ Oai;

- Nhóm ngành sản phẩm gỗ và trang trí nội thất: Bố trí phía Đông Nam đường Trới-Vũ Oai;

- Nhóm ngành chế biến nông lâm hải sản: Bố trí phía Đông Nam đường Trới-Vũ Oai;

- Nguyên tắc phân lô: Căn cứ quy mô, loại hình nhà máy đầu tư vào khu công nghiệp, có kế hoạch phát triển, mở rộng, đảm bảo cung cấp đồng bộ hạ tầng, đảm bảo thuận lợi cho quản lý điều hành chung;

- Quy mô một modul nhà máy là khoảng 3 - 4ha, với tỷ lệ đất thích hợp cho hai chiều là 1/2 và 1/3;

- Các nhà máy với quy mô vừa là 6 - 8 ha thì có thể ghép 2-3 modul;

- Bên cạnh các cụm CN có quy mô vừa và nhỏ, bố trí các cụm CN có quy mô lớn để linh hoạt trong quá trình cho thuê đất các XNCN (từ quy mô 2 - 4 ha đến các dự án có quy mô trên 20 ha, đến 50ha);

(2) Khu trung tâm điều hành KCN, trung tâm dịch vụ thương mại và công nghiệp (20,4 ha) bố trí trong đất khu trung tâm của toàn KCN gần đường trục chính, thuận tiện giao dịch, điều hành, tận dụng được cảnh quan thiên nhiên.

- Các công trình xây dựng trong khu trung tâm với hình khối kiến trúc hiện đại, chiều cao từ 3-5 tầng. Kết hợp cây xanh tạo cảnh quan và cải tạo vi khí hậu chung. Mật độ xây dựng khoảng 30-40%.

- Các hạng mục công trình trong khu trung tâm bao gồm:

+ Sân bãi đỗ xe, đưa đón công nhân, cán bộ đi làm;

+ Bãi đỗ xe con và xe tải cho KCN;

+ Trụ sở của công ty phát triển KCN;

+ Khối văn phòng;

+ Chuyên giao công nghệ;

+ Trưng bày quảng cáo sản phẩm KCN;

+ Công trình dịch vụ thương mại;

+ Ngân hàng....

- Khi triển khai xây dựng có các dự án riêng, phải theo quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

(3) Khu vực hạ tầng kỹ thuật (7,8 ha) gồm các công trình kỹ thuật phục vụ chung như:

- Khu xử lý nước thải sinh học;

- Trạm biến áp trung gian;

- Khu đất tập kết các loại chất thải rắn;

- Các hành lang kỹ thuật đường dây, đường ống;

- Trạm cứu hoả;

- Cơ quan quản lý kiểm tra môi trường.

(4) Cây xanh và mặt nước trong khu công nghiệp (67,7 ha) bố trí tập trung gần các khu điều hành. Bố trí cây xanh cách ly dọc theo ranh giới khu công nghiệp.

(5) Hệ thống giao thông (53,8 ha):

- Được tổ chức theo hướng tiết kiệm, bảo đảm vận chuyển hàng hoá ra vào khu công nghiệp thuận lợi.

- Các tuyến đường nội bộ trong khu công nghiệp được thiết kế giao nhau khoảng 400m-500m. Tận dụng tối đa hiệu quả sử dụng hai bên đường.

- Bên cạnh hệ thống giao thông đường bộ, đồ án quy hoạch đề xuất vị trí để bố trí một bến trung chuyển hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển lưu thông hàng hóa trong KCN. (Về quy mô cụ thể và các thông số kỹ thuật của bến trung chuyển sẽ được nghiên cứu đề xuất trong dự án khác về chuyên ngành cầu cảng.)

b) Các thông số kinh tế - kỹ thuật đồ án:

- Tổng diện tích đất lập quy hoạch 681,0 ha; ranh giới lập quy hoạch được xác định bởi các điểm 1, 2, 3... 37, 1 có tọa độ và kích thước định vị trên Bản đồ đánh giá hiện trạng.

- Bảng cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
A	Đất công nghiệp đã có (NMXM Thăng Long và dự án NM nhiệt điện Thăng Long)	131	
B	Đất công nghiệp quy hoạch mới	550	100,0
1	Đất xây dựng các XNCN	368,0	66,9
2	Đất trung tâm điều hành	11,4	2,1
3	Đất dịch vụ thương mại và công nghiệp	9,0	1,6
4	Đất cây xanh, mặt nước	67,7	12,3
5	Đất kho bãi dịch vụ	13,3	2,4
6	Đất công trình đầu mối HTKT	7,8	1,4
7	Đất dành cho tuyến băng tải	19,0	3,5
8	Đất giao thông	53,8	9,8
	Tổng (A+B)	681,0	

- Bảng danh mục sử dụng đất các khu chức năng:

Stt	Khu chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao
1	Đất trung tâm điều hành	TT-01	5,90	40	09
2	Đất trung tâm điều hành	TT-02	3,10	40	05
3	Đất trung tâm điều hành	TT-03	2,40	40	05
4	Đất dịch vụ công nghiệp	DV-01	4,0	60	03
5	Đất dịch vụ công nghiệp	DV02	4,9	60	03
3	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 06 lô)	CN-01	19,5	60	02
4	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 03 lô)	CN-02	11,6	60	02

5	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 08 lô)	CN-03	26,4	60	02
6	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 04 lô)	CN-04	23,3	60	02
7	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 06 lô)	CN-05	16,0	60	02
8	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 06 lô)	CN-06	20,3	60	02
9	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 02 lô)	CN-07	8,1	60	02
10	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 03 lô)	CN-08	11,5	60	02
11	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 03 lô)	CN-09	8,8	60	02
12	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 06 lô)	CN-10	24,2	60	02
13	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 14 lô)	CN-11	40,5	60	02
14	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 03 lô)	CN-12	7,9	60	02
15	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 08 lô)	CN-13	20,0	60	02
16	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 08 lô)	CN-14	20,0	60	02
17	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 08 lô)	CN-15	19,1	60	02
18	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 05 lô)	CN-16	15,1	60	02
19	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 08 lô)	CN-17	25,3	60	02
20	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 04 lô)	CN-18	16,0	60	02
21	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 04 lô)	CN-19	13,5	60	02
22	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 03 lô)	CN-20	7,2	60	02
23	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy (dự kiến bố trí 04 lô)	CN-21	13,5	60	02
24	Kho bãi, dịch vụ	KB-1	2,8	55	02
25	Kho bãi, dịch vụ	KB-2	10,5	55	02
26	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT-01	4,7	40	02
27	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT-02	1,6	40	02
28	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT-03	1,4	40	02

3.4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Các công trình trong khu quy hoạch sử dụng hình thức kiến trúc đơn giản, phù hợp với công năng sử dụng và loại hình kiến trúc công nghiệp;

- Chỉ giới xây dựng: theo kích thước định vị cụ thể tại Bản đồ Quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; cụ thể:

+ Đối với nhà máy bám trục đường chính khu vực: Chỉ giới xây dựng lùi vào sau chỉ giới đường đỏ 15m.

+ Đối với nhà máy bám trục đường khu vực: Chỉ giới xây dựng lùi vào sau chỉ giới đường đỏ 8m.

+ Nhà máy bơm ven mương nước khu vực: Chỉ giới xây dựng lùi vào sau chỉ giới đường đỏ 15m.

- Cao độ nền công trình phù hợp với cao độ khống chế san nền của khu vực. Tùy từng hạng mục công trình, tính chất nhà máy, dây truyền công nghệ để xác định lấy cao độ nền cho phù hợp.

- Đối với khu vực Nhà máy Xi măng Thăn Long và Dự án nhà máy nhiệt điện Thăn Long: Được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Dự án và quy hoạch chi tiết riêng .

3.5. Quy hoạch thiết kế hạ tầng kỹ thuật:

3.5.1. Quy hoạch san nền:

- Vật liệu đắp nền nghiên cứu phương án nạo vét khu vực vịnh Cửa Lục kết hợp dùng đất đồi đào trong khu vực. Đảm bảo kết nối giao thông của dự án với mạng lưới giao thông xung quanh. Xây dựng đường tạm phục vụ thi công san nền để giảm thiểu chi phí san nền, tăng hiệu quả kinh tế của dự án.

- Gia cố bảo vệ hệ thống đê Bắc Cửa Lục để phòng tránh ngập lụt nước biển do thủy triều dâng.

- Cốt cao độ đê Bắc Cửa Lục: +3,5m.

+ Khu phía Bắc đường Trới-Vũ Oai: Thiết kế cao độ san nền KCN thấp nhất +3,6m, cao nhất +4,2m. Độ dốc san nền 0,4%, chênh cao đường đồng mức 0,2m. Diện tích mặt bằng cần san lấp: Khoảng 300 ha

+ Khu phía Nam đường Trới-Vũ Oai: Thiết kế cao độ san nền KCN thấp nhất +3,6m, cao nhất 4,80m. Độ dốc san nền 0,4%, chênh cao đường đồng mức 0,2m. Diện tích mặt bằng cần san lấp: Khoảng 600 ha

3.5.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại khu công nghiệp:

- Hoàn thiện xây dựng tuyến đường Trới - Vũ Oai.

- Kết nối với đường 18B và trục đường Trới-Vũ Oai từ đầu năm 2010.

- Trong tương lai đến năm 2015 có thể kết nối với tuyến đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long.

b) Giao thông nội bộ khu công nghiệp:

dẫn chung trên đường Trới - Vũ Oai. Nhu cầu cấp nước KCN giai đoạn đầu khoảng $8.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Việc đầu tư xây dựng các trạm cấp nước KCN sẽ được phân kỳ đầu tư theo tiến độ triển khai dự án.

c) Hệ thống cấp nước :

- Để mạng lưới phân phối được an toàn và hiệu quả nên thiết kế mạng vòng khép kín; vật liệu ống cấp nước dùng ống gang dẻo hoặc nhựa HDPE (có quy cách D100 – D500). Mạng lưới đường ống kết hợp cấp nước sản xuất, sinh hoạt và cứu hỏa. Trên mạng bố trí 92 trụ cứu hỏa với cự ly trung bình 120m/1trụ.

- Trạm cấp nước số 1 công suất $3.300\text{ m}^3/\text{ngày}$

- Trạm cấp nước số 2 công suất $5.000\text{ m}^3/\text{ngày}$

- Trạm cấp nước số 3 công suất $8.000\text{ m}^3/\text{ngày}$

3.5.4. Quy hoạch thoát nước:

- Hệ thống thoát nước trong KCN sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, bao gồm 2 hệ thống: Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải.

a) Thoát nước mưa:

- Phân lưu vực thoát nước: phân lưu vực thoát nước được thể hiện tại 03 cụm công nghiệp - Cụm công nghiệp phía Bắc đường Trới -Vũ Oai (124 ha), Cụm công nghiệp phía Đông Nam đường Trới-Vũ Oai (173 ha), Cụm công nghiệp phía Tây Nam đường Trới-Vũ Oai (253 ha). Đề nghị nghiên cứu thoát trực tiếp ra bên ngoài thông qua các miệng xả; không tổ chức thoát ra các kênh nước phía Đông, phía Nam.

- Kết cấu mạng lưới :

+ Mạng lưới thoát nước mưa trong khu công nghiệp dùng cống hộp bê tông tiết diện hình chữ nhật để giảm chiều sâu ra đến các cửa xả.

+ Cống thoát nước mưa đặt trên vỉa hè dọc theo hệ thống đường giao thông, đoạn qua đường được gia cố BTCT chịu lực. Nước mưa được thu vào cống qua hố ga thu nước mưa đặt dọc 2 bên đường.

+ Các thông số cụ thể theo Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa.

b) Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn thoát nước bản áp dụng: Chỉ tiêu thoát nước thải lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất.

- Lưu lượng nước thải:

- Lưu lượng nước thải ngày trung bình : $Q_{tb} = 13.000\text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Lưu lượng ngày thải nước lớn nhất : $Q_{max} = 15.600\text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Lưu lượng giờ thải nước lớn nhất : $q_{max} = 1.300\text{ m}^3/\text{h}(361\text{ l/s})$.

- Hệ thống giao thông nội bộ được bố trí theo dạng bàn cờ để các phương tiện giao thông đến từng lô đất một cách dễ dàng, thuận tiện. Đường được thiết kế với mặt đường bê tông xi măng.

- Quy mô mặt cắt được tính toán với modul chiều rộng 3,75m cho một làn xe và phân chia thành các đường chính và phụ như sau:

* Mặt cắt đường 1-1: (đường chính khu vực)

+ Chỉ giới đường đỏ: 47,5m

+ Chiều rộng làn đường: 2x11,25m

+ Chiều rộng hè đường: 2x10,00m

+ Chiều rộng dải phân cách: 5,00m

* Mặt cắt đường 2-2: (đường khu vực)

+ Chỉ giới đường đỏ: 35,00m

+ Chiều rộng làn đường: 2x7,50m

+ Chiều rộng hè đường: 2x10,00m

- Mặt đường là mặt đường cứng bê tông xi măng, vỉa hè lát gạch phục vụ người đi bộ, ngoài ra kết hợp bố trí đèn chiếu sáng, trồng cây xanh và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

3.5.3. Quy hoạch cấp nước:

a) Tiêu chuẩn dùng nước:

- Nước sản xuất : 30 m³/ha.ngày

- Nước sinh hoạt cho CBCNV trong KCN : Trung bình 60l/người.ngày.

- Nước cho khu điều hành và dịch vụ : 10,0 m³/ha.ngày

- Nước tưới cây, rửa đường : 8,0 m³/ha

- Nước dự phòng, rò rỉ trong hệ thống : 10% lượng nước cung cấp

b) Nhu cầu cấp nước:

- Nhu cầu tiêu thụ nước ngày trung bình: $Q_{tb} = 14.600 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- Nhu cầu nước chữa cháy: Theo TCVN 2622-1995 với quy mô khu công nghiệp > 200 ha thì lượng nước dự phòng chữa cháy được tính toán cho 2 đám cháy đồng thời, thời gian chữa cháy 3 giờ với lưu lượng 15l/s.

- Nguồn nước: Nguồn nước cung cấp cho KCN giai đoạn đầu được lấy từ Nhà máy nước Hoàn Bò và trạm cấp nước Đá Trắng. Trong tương lai cần xây dựng theo quy hoạch chung trạm xử lý cấp nước cho KCN và các khu dân cư dọc trục đường Trời với nguồn nước thô từ hồ Lương Kỳ vì hiện nay nước Đập Đá Trắng đã bị nhiễm mặn do triều dâng (Dự án xây hồ Lương Kỳ đang được Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai thực hiện). Dự kiến xây dựng tại các cụm công nghiệp 3 trạm cấp nước sạch (Mỗi trạm bao gồm bể chứa nước sạch, trạm bơm tăng áp). Các trạm này lấy nước sạch từ tuyến đường ống truyền

- Mạng lưới thu gom và xử lý nước thải: Các tuyến ống thoát nước thải sử dụng ống BTCT đúc sẵn đặt bên hè đường để thu nước thải từ các nhà máy dẫn tự chảy kết hợp trạm bơm trung chuyển về trạm xử lý nước thải tập trung đặt tại các khu đất dành cho hạ tầng kỹ thuật. Công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp cơ lý hóa kết hợp vi sinh. Nước thải công nghiệp được xử lý 2 lần. Lần 1 xử lý cục bộ trong từng nhà máy đạt mức C trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải chung. Lần 2 xử lý tại trạm xử lý tập trung đạt mức B theo tiêu chuẩn TCVN 5945 - 2005 trước khi xả ra môi trường.

- Xây dựng 3 trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất khoảng 13.000m³/ngày:

+ Phía Bắc đường Trới - Vũ Oai bố trí trạm xử lý nước thải số 1 có công suất 3.000 m³/ngày.

+ Phía Nam đường Trới - Vũ Oai bố trí 2 trạm xử lý nước thải. Trạm số 2 có công suất 4.000 m³/ngày, trạm số 3 công suất 6.000m³/ngày.

+ Bảng thông kê vật liệu thoát nước thải theo Bản đồ quy hoạch thoát nước thải trình duyệt.

3.5.5. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Xây dựng một trạm biến áp trung gian 110/22KV ở góc hàng rào phía đông của khu công nghiệp Hoàn Bồ để phân phối điện 22KV cho các nhà máy trong khu công nghiệp. Nguồn 110KV cấp cho trạm biến áp trung gian trên được lấy từ đường dây 110KV cách khu công nghiệp khoảng 6km bằng đường dây trên không 110KV lộ kép. Về sau sẽ lấy nguồn từ Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long.

- Tính toán phụ tải điện:

Stt	Tên phụ tải	Chỉ tiêu cấp điện (KW/ha)	Quy mô (ha)	Công suất đặt (KW)
1	Khu trung tâm điều hành	150	11,4	1710
2	Khu dịch vụ công nghiệp	150	9,0	1350
3	Nhà máy công nghiệp mới	250	368	92000
4	Khu hạ tầng kỹ thuật	150	7,8	1170
5	Khu kho bãi	50	12,6	630
6	Chiếu sáng đường giao thông	4	53,3	213
	Tổng cộng			97073

- Công suất đặt tổng của khu công nghiệp là: Pd = 97073 KW

- Công suất trạm biến áp trung gian cho khu công nghiệp Hoàn Bồ 110/22KV-2x50MVA, trong đó 1 máy biến áp 50MVA cấp điện cho khu vực đông bắc (rộng 124 ha) và đông nam (rộng 173 ha), còn 1 máy biến áp 50MVA cấp điện cho khu vực tây nam (rộng 253 ha) của khu công nghiệp.

- Quy hoạch lưới điện:

+ Lưới điện 22 KV: Từ trạm biến áp 110/22KV-2x50MVA xây dựng bốn đường dây 22KV lộ kép, gồm: 1 đường dây cấp cho khu vực Đông Bắc, 1 đường dây cấp cho khu vực Đông Nam và 2 đường dây cấp cho khu vực Tây Nam của khu công nghiệp. Từ các đường dây chính lộ kép 22KV xây dựng các đường dây 22KV rẽ nhánh lộ đơn, đảm bảo cung cấp nguồn 22KV cho tất cả các nhà máy trong khu công nghiệp.

+ Lưới điện 22KV sử dụng đường dây trên không AC đi trên cột bê tông ly tâm 14m, bố trí trên vỉa hè của khu công nghiệp.

- Lưới điện 0,4 KV:

+ Tại các khu trung tâm điều hành, khu dịch vụ, kho bãi, khu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp bố trí các trạm biến áp khu vực 22/0,4KV để cấp nguồn 0,4KV phục vụ cho sinh hoạt và làm việc của các khu vực đó. Các trạm khu vực này lắp 09 máy biến áp có công suất từ 320KVA÷750KVA tùy theo nhu cầu phụ tải.

+ Trạm biến áp 22/0,4KV trong mỗi nhà máy để phục vụ sản xuất thì do các nhà máy tự đầu tư.

- Lưới điện chiếu sáng đường giao thông:

+ Hệ thống đường giao thông trong khu công nghiệp được chiếu sáng bằng các đèn cao áp sodium 150W lắp trên cột thép bát giác liền cần đơn cao 10m bố trí ở vỉa hè một bên đường (với bề rộng lòng đường 11,25m) hoặc ở vỉa hè hai bên đường (với bề rộng lòng đường 15m). Khoảng cách giữa các cột đèn là 35÷40m. Độ chói trung bình đạt được từ 0,6÷1 cd/m².

+ Điều khiển hệ thống đèn đường là các tủ điện chiếu sáng được cấp nguồn từ các trạm biến áp khu vực 22/0,4KV. Các tủ chiếu sáng này có chế độ điều khiển tự động theo thời gian với 2 chế độ chiếu sáng buổi tối (bật toàn bộ các đèn) và chiếu sáng đêm khuya (tắt bớt một số đèn).

+ Cấp điện cho hệ thống đèn đường dùng cáp ngầm 0,6/1KV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC có tiết diện 16mm² chôn ngầm trên vỉa hè ở độ sâu 0,8m dọc theo tuyến chiếu sáng.

- Các thông số cụ thể theo Bản đồ quy hoạch cấp điện trình duyệt.

3.5.6. Hệ thống thông tin liên lạc: Chủ đầu tư chủ động phối hợp với các ngành Bưu chính viễn thông của tỉnh Quảng Ninh và các công ty chuyên ngành để đầu tư xây dựng tổng đài và mạng cáp thông tin phục vụ cho dự án.

3.5.7. Thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn từ công nghiệp, sinh hoạt được thu gom và tập trung tại trạm trung chuyển tại KCN trước khi đưa đến vị trí xử lý tập trung của khu vực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Chủ đầu tư lập quy hoạch) triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành (công bố công khai quy hoạch được duyệt; hoàn thiện các hồ sơ thiết kế, dự án, hồ sơ đất đai,

đầu nổi hạ tầng kỹ thuật...), Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định; triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định.

2. Sản phẩm hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (Quy hoạch phân khu) Khu Công nghiệp Hoàn Bồ, huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Quản lý. Ủy ban Nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban Nhân dân huyện Hoàn Bồ phối hợp với Chủ đầu tư công bố công khai quy hoạch; thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định.

- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng; tham mưu và thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định; xem xét lựa chọn các Nhà đầu tư báo cáo đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định;

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Hoàn Bồ; Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. ✓

;Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
 - Như điều 3 (thực hiện);
 - V0, V1, V2, V3, HC1, QH1, QLDD1-2, GT1-2, XD1-2, VX 1-2, CN1, TH1;
 - Lưu: VT, QH2.
- 25 bản-QĐ01

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành